

KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC CỦA HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Phương¹, Nguyễn Hữu Thu²

Tóm tắt

Nghiên cứu tập trung phân tích khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên. Bằng việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả với số liệu từ cuộc điều tra 400 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả chỉ ra 77,25% số hộ đã tiếp cận được vốn tín dụng chính thức, trong khi đó vẫn còn 22,75% số hộ chưa tiếp cận được vốn tín dụng chính thức. Từ nghiên cứu thực trạng bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức cho hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

Từ khóa: tiếp cận, tín dụng chính thức, hộ nghèo, Thái Nguyên.

ACCESS TO FORMAL CREDIT OF POOR HOUSEHOLDS IN THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

The study was conducted to analyze the actual situation of access to formal credit of poor households in Thai Nguyen province by using a described statistical method with data from the survey of 400 poor households in Thai Nguyen province. The results show that 77,25% of households had access to formal credit, while 22,75% of remaining households haven't had access to formal credit. Since then, the article proposes some solutions to improve the ability of access to formal credit for poor households in Thai Nguyen province in the future.

Keywords: access, formal credit, poor households, Thai Nguyen.

JEL classification: P34, P46, R2.

1. Giới thiệu

Hộ nghèo thường bị hạn chế về tài chính, điều này gây cản trở đến các quyết định của họ trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo thu nhập. Do đó, có thể cung cấp cho họ các khoản vay tín dụng nhỏ để đầu tư vào sản xuất, nó giúp hộ nghèo có vốn để sản xuất, nhờ đó đảm bảo tốt hơn những nhu cầu cơ bản và tạo thu nhập.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo là cách để giúp họ tăng năng suất lao động, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và có cơ hội thoát nghèo, bên cạnh đó thì còn một số lợi ích khác về tăng cường y tế và giáo dục ((Nguyễn Hữu Thu và Phạm Bảo Dương, 2018). Nguyễn Hữu Thu và cộng sự (2020) đã khẳng định vai trò quan trọng của việc tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo với những điều kiện ưu đãi là phương tiện để giúp họ thoát nghèo. Barslund và cộng sự (2008) cũng khẳng định rằng tín dụng vi mô có vai trò tích cực trong việc giảm nghèo, đặc biệt là những người nghèo nhất và dễ tổn thương

nhất ở nông thôn, thông qua việc cung cấp tín dụng dễ dàng kết hợp với những hướng dẫn về cách thức sử dụng. Nhờ đó, giúp người nghèo tăng cường được vị thế của mình trong xã hội, phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ, kể cả sản xuất nông nghiệp nhằm tăng thu nhập và hướng tới thoát nghèo.

Tuy nhiên, người nghèo thường bị hạn chế trong việc tiếp cận với những khoản vay tín dụng chính thức (Phạm Bảo Dương và cộng sự, 2002), thứ nhất do người nghèo thiếu tài sản đảm bảo hoặc do không có người bảo lãnh khi vay, thứ hai, các tổ chức tín dụng cho rằng chi phí giao dịch cho một khoản vay của người nghèo bất kể lớn hay nhỏ thường cao hơn các khoản vay của các đối tượng khác (Phan Đình Khôi và cộng sự, 2013). Do đó, nhiều hộ phải vay mượn từ các nguồn phi chính thức như bạn bè, người thân hoặc vay nặng lãi.

Thái Nguyên là một tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021-2023 tỉnh Thái Nguyên giảm bình

quân hơn 1%/năm; đến năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) trên địa bàn tỉnh còn 3,35% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên). Hoạt động của mạng lưới tín dụng chính thức trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây đã phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, góp phần không nhỏ vào thúc đẩy phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hộ nghèo gặp khó khăn trong việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính thức để phục vụ sản xuất tạo thu nhập. Để tìm hiểu vấn đề này, tác giả tiến hành nghiên cứu khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho hộ nghèo tiến tới góp phần thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo đa chiều, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu

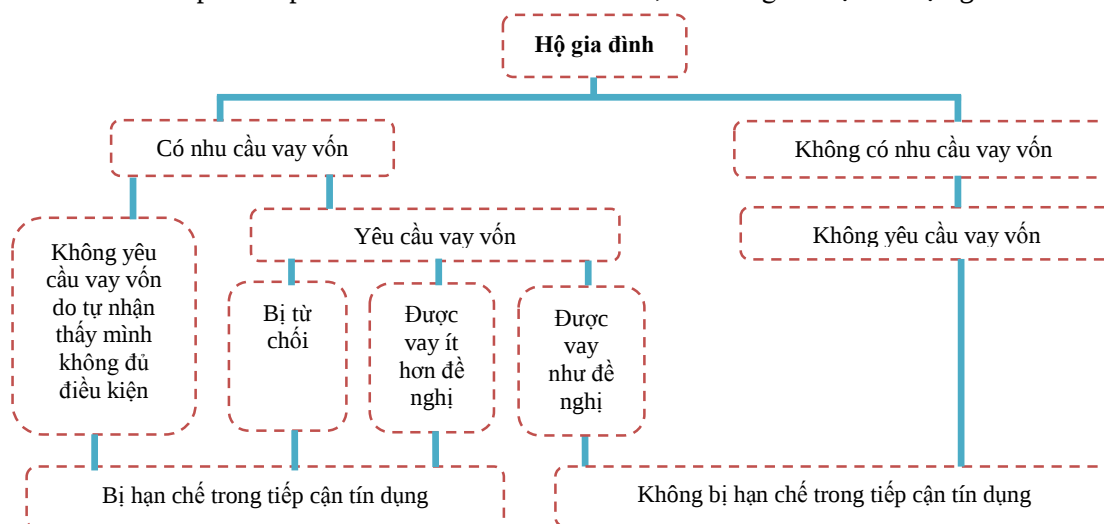
Cơ sở lý thuyết

Khả năng tiếp cận vốn tín dụng của hộ là khả năng hộ có thể vay mượn được từ các nguồn tín dụng khác nhau (Li và cộng sự, 2011). Lý thuyết về khả năng tiếp cận vốn tín dụng được mô tả là một quy trình ra quyết định tuần tự gồm hai bước, bước thứ nhất xuất phát từ phía cầu và sau đó là

phía cung (Li và cộng sự, 2011). Trong nghiên cứu này, khả năng tiếp cận vốn tín dụng là việc gặp nhau giữa một bên có nhu cầu sử dụng vốn tín dụng - hộ nghèo (cầu tín dụng) và một bên có khả năng đáp ứng nhu cầu đó - các tổ chức tín dụng (cung tín dụng).

Về phía cầu tín dụng, hộ có thể vay được vốn tín dụng hay không vay được vốn tín dụng, nếu vay được thì vay ở đâu, vay được bao nhiêu khoản, giá trị mỗi khoản vay là bao nhiêu? Trong trường hợp hộ có nhu cầu vay vốn tín dụng nhưng không vay được thì rào cản nào đã cản trở việc tiếp cận đó. Bên cạnh đó, khi hộ nghèo đã tiếp cận được nguồn vốn tín dụng thì mức độ tiếp cận có thường xuyên hay không thường xuyên và các hộ tiếp cận trực tiếp các tổ chức tín dụng hay gián tiếp thông qua một tổ chức nào?

Về phía cung tín dụng, sau khi nhận hồ sơ xin vay vốn tín dụng của hộ nghèo, các tổ chức tín dụng sẽ xem xét việc cấp vốn tín dụng cho hộ. Việc cấp vốn tín dụng cho hộ với hạn mức là bao nhiêu còn phụ thuộc vào những quy định cụ thể của từng tổ chức tín dụng áp dụng cho từng chương trình và dựa vào nhu cầu vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay, năng lực quản lý, sử dụng vốn, khả năng trả nợ của hộ nghèo.



Sơ đồ 01: Quá trình tiếp cận tín dụng của hộ

Nguồn: Ferede và cộng sự 2012

Phương pháp nghiên cứu

Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là số liệu sơ cấp được điều tra trực tiếp từ các hộ nghèo đã tiếp cận và chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức trên địa bàn tỉnh Thái

Nguyên thông qua bảng câu hỏi, được tiến hành điều tra năm 2024.

Tác giả phân vùng nghiên cứu của tỉnh Thái Nguyên thành 3 vùng có điều kiện phát triển khác nhau, tỷ lệ hộ nghèo khác nhau và số tổ chức tín dụng cho vay hộ nghèo đóng trên địa bàn khác

nhau. Theo đó, các huyện được lựa chọn để nghiên cứu bao gồm:

- Huyện Định Hoá, đại diện cho vùng núi cao, khó khăn về phát triển kinh tế, tỷ lệ hộ nghèo cao so với các địa phương khác trong tỉnh, địa bàn chỉ có một tổ chức tín dụng cho vay hộ nghèo.

- Huyện Phú Lương, đại diện cho vùng đồi cao, núi thấp, có điều kiện thuận lợi phát triển nông, lâm nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo ở mức thấp so với các địa phương khác trong tỉnh, địa bàn có 2 tổ chức tín dụng cho vay hộ nghèo.

- Huyện Phú Bình, đại diện cho huyện nhiều ruộng, đồi thấp, có điều kiện thuận lợi phát triển nông, lâm nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, tỷ lệ hộ nghèo ở mức trung bình so với các địa phương khác trong tỉnh, địa bàn có 2 tổ chức tín dụng cho vay hộ nghèo.

Xác định quy mô mẫu điều tra: Tổng số hộ nghèo huyện Định Hoá là 1.432 hộ; huyện Phú Lương 736 hộ; huyện Phú Bình 1.193 hộ. Tổng số hộ điều tra được tính theo công thức Slovin

là 357 hộ, tác giả tăng quy mô mẫu lên 400 hộ. Sau khi xác định được số hộ cần điều tra của từng xã, tác giả dựa vào danh sách hộ nghèo do UBND xã cung cấp và chọn hộ điều tra theo phương pháp ngẫu nhiên.

Để phân tích số liệu tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp với một số phương pháp định tính nhằm mô tả khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nghèo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nghèo

Kết quả tổng hợp cho thấy trong số 400 hộ được điều tra có 309 hộ đã tiếp cận được vốn tín dụng chính thức, chiếm tỷ lệ 77,25% còn 91 hộ chưa tiếp cận được vốn vay, chiếm tỷ lệ 22,75%. Điều đó cho thấy nhu cầu về vốn tín dụng của hộ nghèo là tương đối cao. Trong đó, huyện Phú Lương có tỷ lệ hộ vay cao nhất 91,67%, thấp nhất là huyện Định Hoá 50,45% trong tổng số hộ điều tra.

Bảng 01: Tình hình vay vốn tín dụng của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Huyện						Chung	
	Định Hoá		Phú Lương		Phú Bình			
	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)
Tổng số hộ điều tra	111	100	132	100	157	100	400	100
- Hộ có vay	56	50,45	121	91,67	132	84,07	309	77,25
- Hộ không vay	55	49,55	11	8,33	25	15,93	91	22,75

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2024

- Tình hình vay vốn tín dụng của hộ nghèo

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nguồn cung vốn tín dụng cho hộ nghèo rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, do giới hạn phạm vi nghiên cứu nên tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các khoản vay từ các tổ chức tín dụng

(TCTD) chính thức tham gia vào việc cung cấp vốn tín dụng cho hộ nghèo bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), Tổ chức tài chính vi mô Tình thương (TYM) và Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND).

Bảng 02: Thống kê mô tả tình hình vay vốn tín dụng của hộ nghèo

Nguồn vay	Số khoản vay			Giá trị khoản vay trung bình (triệu đồng)	Lãi suất (%/tháng)
	Định Hoá	Phú Lương	Phú Bình		
- NHCSXH	56	121	132	62,8	0,275-0,55
- QTDND	-	18	-	45,5	1,10
- TYM	-	-	36	25,5	0,45-0,94
Số khoản vay	363				
Số hộ vay	309				

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2024

Trong tổng số 309 hộ vay vốn thì có tới 309 hộ vay từ NHCSXH tương ứng với 309 khoản vay từ ngân hàng này, trong đó huyện Định Hoá có 56 khoản, huyện Phú Lương có 121 khoản và huyện Phú Bình có 132 khoản, với khoản vay trung bình là 62,8 triệu, lãi suất từ 0,275 - 0,55%/tháng. QTDND có 18 khoản vay trên địa bàn huyện Phú Lương, giá trị khoản vay trung bình là 45,5 triệu đồng với mức lãi suất bình quân là 1,10%/tháng. TYM có số lượng khoản vay là 36 khoản ở huyện Phú Bình, khoản vay trung bình là 25,5 triệu đồng với mức lãi suất từ 0,45% - 0,94%/tháng. Thống kê từ mẫu điều tra cho thấy tổng số khoản vay là 363 khoản trong khi đó tổng số hộ vay là 309 hộ, điều đó có nghĩa là một số hộ tiếp cận được nhiều hơn một nguồn vay tín dụng chính thức.

Bảng 03: Nguyên nhân chưa được vay vốn tín dụng của hộ nghèo

DVT: Hộ

Stt	Chỉ tiêu	Định Hoá	Phú Lương	Phú Bình	Chung
	Có nhu cầu vay nhưng chưa được vay	55	11	25	91
-	Chưa nộp hồ sơ vay	12	3	8	23
-	Không đủ điều kiện vay vốn	8	-	5	13
-	Đủ điều kiện nhưng chưa được vay	33	8	11	52
-	Không rõ nguyên nhân	2	-	1	3

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2024

Bên cạnh 309 hộ đã tiếp cận được vốn vay thì vẫn còn 91 hộ chưa tiếp cận được vốn vay tại các điểm khác nhau. Trong tổng số 91 hộ chưa tiếp cận được vốn vay thì huyện Định Hoá có 55 hộ, huyện Phú Bình có 25 hộ, huyện Phú Lương có 11 hộ, vì nhiều lý do khác nhau như chưa nộp hồ sơ vay do chưa nắm được thông tin tình hình cho vay, không đủ điều kiện vay vốn (quá tuổi lao động, mất sức lao động, già cả, neo đơn, tàn tật...), đủ điều kiện nhưng chưa được vay (mới được công

nhận là hộ nghèo do thay đổi cách tiếp cận từ nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều, đang chờ xét duyệt...) và chưa rõ nguyên nhân vì sao chưa được vay, nên vẫn chưa tiếp cận được với những nguồn vốn vay này.

- Mức độ tiếp cận nguồn vốn tín dụng của hộ nghèo

Mức độ tiếp cận với nguồn vốn tín dụng của hộ nghèo từ các TCTD chính thức được tác giả tổng hợp và phản ánh tại bảng 04 như sau:

Bảng 04: Mức độ tiếp cận nguồn vốn tín dụng của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Huyện						Chung	
	Định Hoá		Phú Lương		Phú Bình			
	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)	SL (hộ)	Tỷ lệ (%)
Tổng số hộ điều tra	111	100	132	100	157	100	400	100
1. Chưa từng vay vốn	22	19,81	04	3,33	15	9,55	41	10,25
2. Đã từng vay vốn	89	80,19	128	96,97	142	90,45	359	89,75

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2024

Bảng số liệu 04 cho thấy trong tổng số 400 hộ được điều tra thì có 41 hộ trả lời là chưa từng vay vốn (chiếm 10,25%), 359 hộ đã từng vay vốn (chiếm 89,75%). Do đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội nên tỷ lệ số hộ chưa từng vay vốn và đã từng vay vốn có sự khác nhau giữa các địa phương. Trong tổng số 111 hộ điều tra ở huyện Định Hoá thì có tới 22 hộ chưa từng vay vốn (chiếm 19,81%), 89 hộ đã từng vay vốn (chiếm 80,19%), huyện Phú Lương có 04 hộ chưa từng vay vốn (chiếm 3,33%), 128 hộ đã từng vay vốn (chiếm 96,67%), huyện Phú Bình có 15 hộ chưa từng vay vốn (chiếm 9,55%), 142 hộ đã từng vay vốn (chiếm 90,45%).

- Mức độ đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho hộ nghèo của các tổ chức tín dụng

Mức độ đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho hộ nghèo của các TCTD trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được mô tả tại Bảng 05. Số liệu tại bảng 05 cho thấy, nhu cầu vay trung bình từ NHCSXH là 80,5 triệu đồng thì lượng vốn được vay là 62,8 triệu đồng, lượng vốn được vay so với nhu cầu vay đạt 78,01%, nhu cầu vay trung bình từ QTDND là 61,2 triệu đồng thì lượng vốn được vay là 45,5 triệu đồng, lượng vốn được vay so với nhu cầu vay đạt 74,34%, nhu cầu vay trung bình từ TYM là 35,5 triệu đồng thì lượng vốn được vay là 25,5 triệu đồng, lượng vốn được vay so với nhu cầu vay đạt 71,83%. Như vậy, có thể thấy khả năng đáp ứng nhu cầu về vốn tín dụng cho hộ nghèo từ các tổ chức tín dụng trung bình mới ở mức 74,73%, tức còn 25,27% số vốn vay chưa được đáp ứng.

Bảng 05: Mức độ đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho hộ nghèo

Chỉ tiêu	ĐVT	Ngân hàng CSXH	Quỹ TDND	TYM
1. Nhu cầu vay trung bình	Triệu đồng	80,5	61,2	35,5
2. Lượng vốn được vay trung bình	Triệu đồng	62,8	45,5	25,5
3. Lượng vốn được vay/nhu cầu vay	%	78,01	74,34	71,83

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2024

3.2. Phương thức tiếp cận nguồn vốn tín dụng của hộ nghèo

Theo kết quả điều tra, 327 hộ nghèo có vay vốn từ NHCSXH, QTDND đều được các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương bảo lãnh bằng tín chấp, những tổ chức này được ví như “*cánh tay vươn dài*” với nhiều chức năng hỗ trợ khác nhau trong quá trình tiếp cận tín dụng, đóng vai trò trung gian giữa ngân hàng với hộ nghèo, đồng thời

cũng tham gia trong quy trình cho vay từ khâu hướng dẫn hồ sơ xin vay vốn đến đơn đốc thu hồi nợ... Hộ nghèo vay vốn từ TYM cũng vay dưới hình thức tín chấp, tức là phải có 1 người đồng vay vốn là người sống chung cùng gia đình hoặc người bảo lãnh vốn vay ký cam kết bảo lãnh vốn vay. Phương thức tiếp cận vốn tín dụng của hộ nghèo được thể hiện tại bảng 06.

Bảng 06: Phương thức tiếp cận vốn tín dụng của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Số khoản vay						Chung	
	Định Hoá		Phú Lương		Phú Bình			
	SL (khoản)	Tỷ lệ (%)	SL (khoản)	Tỷ lệ (%)	SL (khoản)	Tỷ lệ (%)	SL (khoản)	Tỷ lệ (%)
Tổng số khoản vay	56	100	139	100	168	100	363	100
- Tiếp cận trực tiếp	0	0	18	12,95	36	21,43	54	14,88
- Tiếp cận gián tiếp	56	100	121	87,05	132	78,57	309	85,12

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2024

Kết quả điều tra cho thấy, có 2 phương thức tiếp cận vốn tín dụng của hộ nghèo là tiếp cận vốn trực tiếp và tiếp cận vốn gián tiếp. Trong đó, phương thức tiếp cận vốn gián tiếp được áp dụng phổ biến ở các địa phương.

Theo phương thức thứ nhất, hộ nghèo tiếp cận vốn trực tiếp từ phía các TCTD, không thông qua bất kỳ kênh trung gian nào, đồng nghĩa với việc các hộ sẽ không phải chịu thêm bất kỳ khoản chi phí nào ngoài lãi suất quy định của tổ chức tín dụng, hiện có 54 khoản vay/363 khoản vay, chiếm 14,88% số khoản được tiếp cận bằng phương thức này. Trong đó, trên địa bàn huyện Định Hoá không có khoản vay trực tiếp nào, huyện Phú Lương có 18 khoản (chiếm 12,95%), đây là những khoản mà hộ tiếp cận trực tiếp vốn vay từ QTDND, huyện Phú Bình có 36 khoản (chiếm 21,43%), đây là những khoản mà hộ tiếp cận trực tiếp vốn vay từ TYM.

Theo phương thức thứ hai, chủ yếu hộ nghèo vay vốn gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương, khi chiếm tới 85,12% tổng số khoản vay. Trong đó, huyện Định Hoá chiếm 100%, huyện Phú Lương chiếm 87,05%, huyện Phú Bình chiếm 78,57%. Đây là những khoản vay mà hộ đã vay từ NHCSXH. Như vậy, có thể thấy các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng của hộ nghèo. Các hộ được phỏng vấn đều cho rằng nhờ các tổ chức chính trị xã hội họ mới có thể tiếp cận được với nguồn vốn này. Các tổ chức chính trị xã hội không chỉ đứng ra bảo lãnh vay vốn mà họ còn giúp các hộ cách sử dụng vốn sao cho có hiệu quả.

3.3. Đánh giá chung về khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nghèo

- Kết quả đạt được:

Việc triển khai chương trình tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, phần lớn hộ nghèo có nhu cầu vay vốn tín dụng đều đã tiếp cận được vốn vay với giá trị các khoản vay trung bình được tăng lên.

Năng lực, hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nghèo ngày càng được cải thiện và nâng cao thể hiện ở việc số hộ nghèo đã từng vay vốn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số hộ điều tra.

Mức độ đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho hộ nghèo của các tổ chức tín dụng ngày càng được cải thiện theo hướng tăng dần mức vay.

Phương thức tiếp cận vốn tín dụng của hộ nghèo chủ yếu tiếp cận vốn gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương. Như vậy, có thể thấy các đoàn thể xã hội tại địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng của hộ nghèo. Các hộ được phỏng vấn đều cho rằng nhờ các tổ chức đoàn thể họ mới có thể tiếp cận được với nguồn vốn này.

Những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế

Mạng lưới các TCTD chính thức tham gia vào việc cung cấp tín dụng cho hộ nghèo còn ít. Nguyên nhân là do nguồn lực của Nhà nước cũng như các TCTD có hạn, trong khi phải thực hiện đồng thời nhiều mục tiêu cho phát triển kinh tế xã hội.

Quy mô vốn đầu tư cho một hộ còn thấp, chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu về vốn của hộ nghèo. Để bù đắp phần thiếu hụt về vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác, hộ nghèo vẫn phải vay thêm từ nguồn tín dụng khác. Tuy nhiên, khi tiếp cận với các nguồn tín dụng khác thì tài sản đảm bảo luôn là rào cản đối với hộ nghèo. Nguyên nhân là do quy mô nguồn vốn huy động của các TCTD còn thấp, trong khi phải thực hiện nhiều chương trình mục tiêu.

Việc tiếp cận thông tin tín dụng, thông tin thị trường của hộ nghèo ở các địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Dẫn tới còn một tỷ lệ lớn hộ nghèo có nhu cầu vay vốn nhưng thiếu thông tin chưa được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng. Nguyên nhân là do người nghèo sống chủ yếu ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hạ tầng cơ sở thiếu thốn nên việc triển khai các chương trình và tuyên truyền để nâng cao năng lực, nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương gặp nhiều khó khăn do vị trí địa lý, địa bàn rộng, trình độ dân cư thấp. Vẫn còn tình trạng một bộ phận hộ nghèo trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ cho không, cấp phát của Nhà nước. Một bộ phận chưa biết vay vốn để làm gì do chưa có phương án sản xuất kinh doanh nên chưa mạnh dạn tiếp cận vốn vay.

3.4. Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức cho hộ nghèo

Thứ nhất, các TCTD chính thức cần mở rộng mạng lưới, tăng cường phòng giao dịch, điểm giao dịch đến tận xã, khuyến khích phát triển mô hình ngân hàng lưu động ở những vùng khó khăn, nâng cao khả năng tiếp cận và đáp ứng nhu cầu về vốn của hộ bằng việc đa dạng thời hạn vay, quy mô món vay, cách thức giải ngân, các điều kiện, thủ tục vay vốn.

Thứ hai, tăng cường hình thức tín chấp thông qua các tổ chức chính trị xã hội cơ sở, hầu hết người nghèo ở nông thôn đều muốn vay vốn, nhưng nhiều khi họ luôn vấp phải những khó khăn trong vấn đề tài sản thế chấp khi đi vay. Để hộ nghèo tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn tín dụng chính thức thì hình thức tín chấp được đặt ra như một con đường rất cơ bản. Giải quyết bằng tín chấp thông qua sự đảm bảo của các tổ chức chính trị xã hội sẽ giúp người nghèo vượt qua tình trạng thiếu vốn.

Thứ ba, để nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng thì vấn đề thông tin về thị trường tín dụng có vai trò hết sức quan trọng. Các TCTD cần cung cấp rộng rãi và thường xuyên thông tin về hệ thống tín dụng, các mạng lưới tín dụng chính thức, cơ chế, thủ tục cho vay, trả nợ, chính sách lãi suất để hộ nghèo có thể nắm bắt được.

Thứ tư, để tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức và sử dụng nó một cách có hiệu quả thì bản thân các hộ cần không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia tập huấn, học tập kinh nghiệm một cách có hệ thống các kiến thức, kỹ năng như lập kế hoạch sản xuất, cách thức làm ăn,

cách chi tiêu, xây dựng phương án tiết kiệm, tạo nền tảng phát triển nghề nghiệp, cải thiện việc làm.

Thứ năm, củng cố vai trò của các tổ chức chính trị xã hội cơ sở, thực tế cho thấy các tổ chức chính trị xã hội cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận tín dụng của hộ nghèo. Bởi hầu hết hộ nghèo khi vay vốn thường vay theo hình thức tín chấp thông qua các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương. Cho nên hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội càng mạnh, càng phát triển thì hộ nghèo càng dễ dàng hơn trong việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng.

4. Kết luận

Bài viết này tập trung đánh giá thực trạng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên, kết quả nghiên cứu cho thấy số hộ nghèo đã tiếp cận được vốn tín dụng chính thức chiếm tỷ lệ 77,25%, còn 22,75% số hộ chưa tiếp cận được vốn tín dụng chính thức. Về mức độ tiếp cận nguồn vốn, trong tổng số 400 hộ điều tra thì có 359 hộ đã từng vay vốn còn 41 hộ là chưa từng vay vốn. Hình thức tiếp cận vốn của hộ chủ yếu là tiếp cận gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương. Về khả năng đáp ứng nhu cầu vốn vay cho hộ của các tổ chức tín dụng trung bình mới ở mức 74,73%, tức còn 25,27% số vốn vay chưa được đáp ứng.

Từ nghiên cứu thực trạng, bài viết đã đánh giá những kết quả đạt được, rút ra những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế từ đó đề xuất 05 giải pháp cơ bản nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức cho hộ nghèo, góp phần thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo đa chiều, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barslund M. and Tarp F. (2008). Formal and informal rural credit in four provinces of Vietnam. *Journal of Development Studies*, Vol. 44, No. 4, pp. 485-503, doi:10.1080/00220380801980798.
- Duong P.B. and Izumida Y. (2002). Rural development finance in Vietnam: a microeconomic analysis of household surveys. *World Development*, Vol. 30, No. 2, pp. 319-335, doi:10.1016/s0305-750X(01)00112-7.
- Ferede, K.H. (2012). *Determinants of Rural Households Demand for and Access to Credit in Microfinance Institutions. The case of Alamata Woreda Ethiopia*. Wageningen University Research Center.
- Khoi P.D., Gan C., Nartea G.V. and Cohen D.A. (2013). Formal and informal rural credit in the mekong river Delta of Vietnam: interaction and accessibility. *Journal of Asian Economics*, Vol. 26, pp. 1-13, doi: 10.1016/j.asieco.2013.02.003.

- Li X., Gan C. and Hu B. (2011). The welfare impact of microcredit on rural households in China. *The Journal of Socio-Economics*, Vol.40, 404-411, doi:10.1016/j.socec.2011.04.012.
- Thu N.H. and Duong P.B. (2018). Impact of formal credit on living standard of poor households in mountainous northern Vietnam. *Enterprise Development and Microfinance*, Vol. 29, No. 3-4, pp. 244-261, doi:10.3362/1755-1986.00017.
- Thu N.H., Duong P.B. and Tho N.H. (2020). Filling the voids left by the formal sector: informal borrowings by poor households in Northern Mountainous Vietnam. *Agricultural Finance Review*, 81 (1), 94-113, doi:10.1108/AFR-12-2019-0134.
- Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên. (2024). *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2023*.

Thông tin tác giả:

1. Lê Thị Phương

- Đơn vị công tác: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật - ĐHTN

2. Nguyễn Hữu Thu

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

- Địa chỉ email: nguyenuuthu@tueba.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/02/2025

Ngày nhận bản sửa: 12/03/2025

Ngày duyệt đăng: 25/05/2025